

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 10A1

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Nguyễn Lệ Thủy

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-----------------|-------------------|-------------------|-------|-------|-------|
| Hóa-CD - 4.Nga | QPAN - 12.Hoa | Anh - 5.Nhung | | | |
| Lý-CD - 3.Thủy | TN-CD - 6.Huệ.S | Tin - 13.Thanh | | | |
| TN-CD - 6.Huệ.S | Toán - 1.Thắm | Thể dục - 12.Ngợi | | | |
| TN-SHL | Thể dục - 12.Ngợi | GDDP - 6.Quỳnh | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|--------------|------------------|----------------|-------|-------|-------|
| Văn - 2.Linh | Toán-CD - 1.Thắm | Tin - 13.Thanh | | | |
| Văn - 2.Linh | Hoá - 4.Nga | Anh - 5.Nhung | | | |
| Lý - 3.Thủy | Toán - 1.Thắm | Sinh - 6.Quỳnh | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 10A2

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Trần Thị Xuyên

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-------------------|-------------------|-----------------|-------|-------|-------|
| GDDP - 13.Việt | Anh - 5. Thu | QPAN - 12.Hoa | | | |
| Thể dục - 12.Hiện | Lý-CD - 3.Xuyên | Văn - 2. Hoa | | | |
| TN-CD - 13.Việt | Thể dục - 12.Hiện | TN-CD - 13.Việt | | | |
| TN-SHL | Toán - 1. Thủy.T | Tin - 13.Việt | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|--------------|----------------|---------------------|-------|-------|-------|
| Lý - 3.Xuyên | Hoá - 4.Ánh | Toán-CD - 1. Thủy.T | | | |
| Anh - 5. Thu | Hóa-CD - 4.Ánh | Toán - 1. Thủy.T | | | |
| Văn - 2. Hoa | Sinh - 6.Huệ.S | Tin - 13.Việt | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 10A3

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Trần Thị Dừa

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|--------------------|--------------------|----------------|-------|-------|-------|
| Anh - 5.MThu | TN-CD - 9.Nga | TN-CD - 9.Nga | | | |
| Tin - 13.Bồn | Thể dục - 12.Thanh | Sinh - 6.Nhàn | | | |
| Thể dục - 12.Thanh | Toán - 1.PThành | Văn - 2.V.Hoài | | | |
| TN-SHL | Toán - 1.PThành | QPAN - 12.Hoa | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|----------------|--------------------|------------------|-------|-------|-------|
| Văn - 2.V.Hoài | Toán-CD - 1.PThành | Lý - 3.Phượng | | | |
| GDDP - 13.Bồn | Anh - 5.MThu | Lý-CD - 3.Phượng | | | |
| Hóa-CD - 4.Dừa | Tin - 13.Bồn | Hoá - 4.Dừa | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 10A4

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Đàm Thuý Vinh

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-----------------|-------------------|-------------------|-------|-------|-------|
| Anh - 5.Mai | Thể dục - 12.Ngợi | Toán - 1.Đ.Thu | | | |
| Hóa-CD - 4.Đoàn | Văn - 2.Huyền | Thể dục - 12.Ngợi | | | |
| Tin - 13.Vinh | Tin - 13.Vinh | Toán-CD - 1.Đ.Thu | | | |
| TN-SHL | TN-CD - 3. Mơ | GDDP - 13.Thanh | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|---------------|----------------|----------------|-------|-------|-------|
| Anh - 5.Mai | Toán - 1.Đ.Thu | Sinh - 6.Huệ.S | | | |
| TN-CD - 3. Mơ | Lý - 3. Mơ | QPAN - 12.Hoa | | | |
| Văn - 2.Huyền | Lý-CD - 3. Mơ | Hoá - 4.Đoàn | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 10A5

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Trương Thị Nga

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-------------------|----------------|----------------|-------|-------|-------|
| Thể dục - 12.Ngợi | Anh - 5.MThu | TN-CD - 2.Đông | | | |
| KTPL - 10.Gắm | TN-CD - 2.Đông | Văn - 2.Nhiệm | | | |
| GDDP - 13.Thanh | KTPL - 10.Gắm | QPAN - 12.Hoa | | | |
| TN-SHL | Toán - 1. Đoàn | Sinh - 6.Nhàn | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-------------------|-------------------|------------------|-------|-------|-------|
| Hoá - 4.Nga | Anh - 5.MThu | Toán - 1. Đoàn | | | |
| Hóa-CD - 4.Nga | Toán-CD - 1. Đoàn | Lý - 3.Ngọc.L | | | |
| Thể dục - 12.Ngợi | Văn - 2.Nhiệm | Lý-CD - 3.Ngọc.L | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 10A6

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Trần Thị Nhung

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|--------------------|---------------|--------------------|-------|-------|-------|
| TN-CD - 3. Mơ | Anh - 5.Nhung | Văn - 2.Nhiệm | | | |
| Toán-CD - 1.PThành | KTPL - 10.Gắm | Lý-CD - 3.Doanh | | | |
| KTPL - 10.Gắm | TN-CD - 3. Mơ | Lý - 3.Doanh | | | |
| TN-SHL | Địa - 9.Trang | Thể dục - 12.Thanh | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|--------------------|-----------------|---------------|-------|-------|-------|
| Sử - 8.HuongS | Hóa-CD - 4.Đoàn | Anh - 5.Nhung | | | |
| Toán - 1.PThành | Hoá - 4.Đoàn | Văn - 2.Nhiệm | | | |
| Thể dục - 12.Thanh | Toán - 1.PThành | GDDP - 6.Tho | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 10A7

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Đỗ Thị Yến

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-----------------|---------------|-------------------|-------|-------|-------|
| Sử - 8.Yến | Hoá - 4.Đoàn | GDDP - 6.Tho | | | |
| TN-CD - 6.Huệ.S | Anh - 5. Thu | Thể dục - 12.Hiện | | | |
| Địa - 9.Trang | Địa - 9.Trang | Văn - 2.Phương | | | |
| TN-SHL | Toán - 1.Thắm | Văn - 2.Phương | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|------------------|-----------------|-------------------|-------|-------|-------|
| Toán - 1.Thắm | TN-CD - 6.Huệ.S | Anh - 5. Thu | | | |
| Lý-CD - 3.Bích | Sinh - 6.Huệ.S | Thể dục - 12.Hiện | | | |
| Toán-CD - 1.Thắm | Hóa-CD - 4.Đoàn | Lý - 3.Bích | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 10A8

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Vũ Ngọc Ánh

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-------------------|------------------|-------------------|-------|-------|-------|
| TN-CD - 3.Ngọc.L | GDDP - 6.Tho | Thể dục - 12.Ngợi | | | |
| Sinh - 6.Nhàn | Hóa-CD - 4.Ánh | Anh - 5.Nhung | | | |
| Thể dục - 12.Ngợi | TN-CD - 3.Ngọc.L | Toán - 1. Đoàn | | | |
| TN-SHL | Lý - 3.Ngọc.L | Văn - 2.Hiền | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|---------------|-------------------|------------------|-------|-------|-------|
| Địa - 9.Nga | Toán - 1. Đoàn | Lý-CD - 3.Ngọc.L | | | |
| Văn - 2.Hiền | Địa - 9.Nga | Hoá - 4.Ánh | | | |
| Sử - 8.HuongS | Toán-CD - 1. Đoàn | Anh - 5.Nhung | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 10A9

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Đoàn Thị Phương

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-----------------|--------------------|--------------------|-------|-------|-------|
| Lý-CD - 3.Bích | Hoá - 4.Ánh | Lý - 3.Bích | | | |
| QPAN - 12.Hoa | Văn - 2.Linh | CN - 11.Phương | | | |
| Toán - 1.PThành | Văn - 2.Linh | Thể dục - 12.Thanh | | | |
| TN-SHL | Thể dục - 12.Thanh | TN-CD - 3.Bích | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|--------------------|---------------|----------------|-------|-------|-------|
| Toán-CD - 1.PThành | Anh - 5.Mai | TN-CD - 3.Bích | | | |
| Anh - 5.Mai | KTPL - 10.Gắm | CN - 11.Phương | | | |
| Toán - 1.PThành | GDDP - 6.Tho | Hóa-CD - 4.Ánh | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 10A10

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Nguyễn Thị Phượng

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|------------------|------------------|------------------|-------|-------|-------|
| QPAN - 12.Hoa | Lý - 3.Phượng | Thể dục - 12.Đắc | | | |
| Toán - 1. Thủy.T | CN - 11.Phương | Hoá - 4.Dung | | | |
| Thể dục - 12.Đắc | TN-CD - 3.Phượng | Hóa-CD - 4.Dung | | | |
| TN-SHL | KTPL - 10.Gám | GDDP - 6.Tho | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|------------------|------------------|---------------------|-------|-------|-------|
| CN - 11.Phương | Lý-CD - 3.Phượng | Văn - 2. Hoa | | | |
| Toán - 1. Thủy.T | TN-CD - 3.Phượng | Văn - 2. Hoa | | | |
| Anh - 5.MThu | Anh - 5.MThu | Toán-CD - 1. Thủy.T | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 10A11

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Lê Kiêm Huyền

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|------------------|------------------|-------------------|-------|-------|-------|
| Địa-CD - 9.Trang | TN-CD - 3. Mơ | Tin - 13.Việt | | | |
| Sử - 8.HuongS | Lý - 3. Mơ | Toán-CD - 1.Đ.Thu | | | |
| Toán - 1.Đ.Thu | Văn - 2.Huyền | CN - 11.Phương | | | |
| TN-SHL | Văn-CD - 2.Huyền | Toán - 1.Đ.Thu | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|---------------|------------------|------------------|-------|-------|-------|
| TN-CD - 3. Mơ | Văn - 2.Huyền | GDDP - 13.Việt | | | |
| Địa - 9.Trang | Thể dục - 12.Đắc | Tin - 13.Việt | | | |
| Anh - 5.Mai | Anh - 5.Mai | Thể dục - 12.Đắc | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 11A1

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Trần Văn Toan

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|--------------------|-----------------|--------------------|-------|-------|-------|
| Văn - 2.Vân | Hóa-CD - 4.Ngọc | Lý - 3.Toan | | | |
| Thể dục - 12.Thanh | Anh - 5. Ly | Thể dục - 12.Thanh | | | |
| Hoá - 4.Ngọc | TN-CD - 3.Duẩn | GDDP - 9.Nga | | | |
| TN-SHL | Lý-CD - 3.Toan | Toán - 1.Ngọc.T | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|----------------|-----------------|--------------------|-------|-------|-------|
| Anh - 5. Ly | Toán - 1.Ngọc.T | Sinh - 6.Tho | | | |
| Văn - 2.Vân | TN-CD - 3.Duẩn | QPAN - 12. Tiến | | | |
| Tin - 13.Thanh | Tin - 13.Thanh | Toán-CD - 1.Ngọc.T | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 11A2

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Tô Thị Huệ

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|----------------|------------------|-----------------|-------|-------|-------|
| Văn - 2.Phương | Thể dục - 12.Đắc | Lý - 3.Xuyên | | | |
| Hoá - 4.Nam | Tin - 13.Vinh | Anh - 5.Thúy | | | |
| Hóa-CD - 4.Nam | Toán - 1.Huệ | QPAN - 12. Tiến | | | |
| TN-SHL | GDDP - 9.Nga | Sinh - 6.Chiêm | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-----------------|------------------|----------------|-------|-------|-------|
| Toán-CD - 1.Huệ | Toán - 1.Huệ | Văn - 2.Phương | | | |
| Lý-CD - 3.Xuyên | TN-CD - 6.Nhàn | Tin - 13.Vinh | | | |
| Anh - 5.Thúy | Thể dục - 12.Đắc | TN-CD - 6.Nhàn | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 11A3

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Trần Thị Ngân

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|----------------|-------------------|----------------|-------|-------|-------|
| Lý-CD - 3.Ngân | Anh - 5.Mai | Hoá - 4.Dung | | | |
| TN-CD - 3.Ngân | QPAN - 12. Tiến | Văn - 2.Đông | | | |
| Anh - 5.Mai | Thể dục - 12.Ngợi | Lý - 3.Ngân | | | |
| TN-SHL | Tin - 13.Bồn | TN-CD - 3.Ngân | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-------------------|--------------------|-----------------|-------|-------|-------|
| Tin - 13.Bồn | GDDP - 9.Nga | Toán - 1.Ngọc.T | | | |
| Thể dục - 12.Ngợi | Toán-CD - 1.Ngọc.T | Sinh - 6.Tho | | | |
| Hóa-CD - 4.Dung | Toán - 1.Ngọc.T | Văn - 2.Đông | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 11A4

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Nguyễn Thị Hoa

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-----------------|------------------|-----------------|-------|-------|-------|
| QPAN - 12. Tiên | TN-CD - 3.Xuyên | Văn - 2. Hoa | | | |
| Anh - 5.MThu | Thể dục - 12.Đắc | GDDP - 9.Nga | | | |
| Hoá - 4.Ánh | Toán - 1.HậuT | TN-CD - 3.Xuyên | | | |
| TN-SHL | Lý - 3.Xuyên | Lý-CD - 3.Xuyên | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|------------------|------------------|----------------|-------|-------|-------|
| Anh - 5.MThu | Toán - 1.HậuT | Hóa-CD - 4.Ánh | | | |
| Văn - 2. Hoa | Tin - 13.Vinh | Sinh - 6.Chiêm | | | |
| Thể dục - 12.Đắc | Toán-CD - 1.HậuT | Tin - 13.Vinh | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 11A5

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Vũ Hữu Ích

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|--------------|-------------------|-------------------|-------|-------|-------|
| Lý - 3.Ích | TN-CD - 6.Nhàn | Văn - 2.Tuyết | | | |
| GDDP - 9.Nga | Anh - 5.MThu | QPAN - 12. Tiến | | | |
| Anh - 5.MThu | Tin - 13.Bồn | Hóa-CD - 4.Hào | | | |
| TN-SHL | Thể dục - 12.Hiện | Toán-CD - 1. Đoàn | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-------------------|---------------|----------------|-------|-------|-------|
| Văn - 2.Tuyết | Tin - 13.Bồn | TN-CD - 6.Nhàn | | | |
| Hoá - 4.Hào | Sinh - 6.Tho | Toán - 1. Đoàn | | | |
| Thể dục - 12.Hiện | Lý-CD - 3.Ích | Toán - 1. Đoàn | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 11A6

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Nguyễn Thị Bích

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|--------------------|-----------------|------------------|-------|-------|-------|
| Thể dục - 12.Thanh | Anh - 5.Hạnh | Toán-CD - 1.HậuT | | | |
| Toán - 1.HậuT | Hóa-CD - 4.Dung | Lý-CD - 3.Bích | | | |
| Toán - 1.HậuT | GDDP - 9.Nga | TN-CD - 6.Chiêm | | | |
| TN-SHL | QPAN - 12. Tiến | Văn - 2.Đông | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|--------------|--------------------|-----------------|-------|-------|-------|
| Hoá - 4.Dung | Tin - 13.Thanh | Sinh - 6.Chiêm | | | |
| Anh - 5.Hạnh | Thể dục - 12.Thanh | Tin - 13.Thanh | | | |
| Lý - 3.Bích | Văn - 2.Đông | TN-CD - 6.Chiêm | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 11A7

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Trần Thị Tho

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-----------------|-------------------|-----------------|-------|-------|-------|
| Tin - 13.Thanh | Anh - 5. Ly | TN-CD - 6.Nhàn | | | |
| Toán - 1. TùngT | Thể dục - 12.Ngợi | Sinh-CD - 6.Tho | | | |
| TN-CD - 6.Nhàn | Văn - 2.Đông | Tin - 13.Thanh | | | |
| TN-SHL | Văn - 2.Đông | QPAN - 12. Tiến | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-----------------|-------------------|--------------------|-------|-------|-------|
| Hóa-CD - 4.Ngọc | Sinh - 6.Tho | Toán-CD - 1. TùngT | | | |
| Hoá - 4.Ngọc | Anh - 5. Ly | Lý - 3.Ngân | | | |
| GDDP - 9.Nga | Thể dục - 12.Ngợi | Toán - 1. TùngT | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 11A8

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Vũ Thị Thuý

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|------------------|------------------|-----------------|-------|-------|-------|
| TN-CD - 2.Nhàn | Hoá - 4.Dung | Anh - 5.Thuý | | | |
| Toán-CD - 1.Thắm | GDDP - 9.Trang | Văn - 2.Phương | | | |
| Toán - 1.Thắm | Thể dục - 12.Đắc | KTPL - 10.Loan | | | |
| TN-SHL | CN - 11.Phương | Hóa-CD - 4.Dung | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|----------------|-----------------|------------------|-------|-------|-------|
| TN-CD - 2.Nhàn | Lý - 3. Mơ | CN - 11.Phương | | | |
| Anh - 5.Thuý | Toán - 1.Thắm | Thể dục - 12.Đắc | | | |
| Lý-CD - 3. Mơ | QPAN - 12. Tiến | Văn - 2.Phương | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 11A9

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Trần Khánh Linh

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-----------------|-----------------|-------------------|-------|-------|-------|
| Toán - 1. TùngT | CN - 11.Phương | CN - 11.Phương | | | |
| TN-CĐ - 9.Trang | Anh - 5.Nhung | Lý-CĐ - 3.Ngân | | | |
| Hoá - 4.Đoàn | Toán - 1. TùngT | Thể dục - 12.Hiện | | | |
| TN-SHL | Văn - 2.Linh | Anh - 5.Nhung | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-----------------|--------------------|-------------------|-------|-------|-------|
| GDDP - 9.Trang | Toán-CĐ - 1. TùngT | Lý - 3.Ngân | | | |
| QPAN - 12. Tiến | TN-CĐ - 9.Trang | Hóa-CĐ - 4.Đoàn | | | |
| Văn - 2.Linh | KTPL - 10.Loan | Thể dục - 12.Hiện | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 11A10

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Trần Quang Phụng

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-------------------|-------------------|-------------------|-------|-------|-------|
| Tin - 13.Vinh | Thể dục - 12.Hiện | Toán-CD - 1. Đoàn | | | |
| QPAN - 12. Tiến | Anh - 5.Mai | Toán - 1. Đoàn | | | |
| Thể dục - 12.Hiện | Toán - 1. Đoàn | Văn - 2.Thìn | | | |
| TN-SHL | Tin - 13.Vinh | Văn - 2.Thìn | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|------------------|----------------|-----------------|-------|-------|-------|
| Địa - 9.Phụng | TN-CD - 6.Nhàn | GDDP - 9.Phụng | | | |
| Địa-CD - 9.Phụng | Anh - 5.Mai | TN-CD - 6.Nhàn | | | |
| CN - 11.Phương | Lý - 3.Phượng | Văn-CD - 2.Thìn | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 11A11

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Nguyễn Thị Vân

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-------------------|-----------------|-------------------|-------|-------|-------|
| Toán - 1.Thắm | TN-CD - 9.Trang | QPAN - 12. Tiến | | | |
| Anh - 5.Hạnh | Tin - 13.Việt | Tin - 13.Việt | | | |
| Thể dục - 12.Thúy | Văn - 2.Vân | Sử-CD - 8.Mây | | | |
| TN-SHL | Văn - 2.Vân | Thể dục - 12.Thúy | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|------------------|----------------|-----------------|-------|-------|-------|
| Văn-CD - 2.Vân | GDDP - 9.Trang | Hoá - 4.Đoàn | | | |
| Toán - 1.Thắm | Anh - 5.Hạnh | KTPL - 10.Loan | | | |
| Địa-CD - 9.Trang | Địa - 9.Trang | TN-CD - 9.Trang | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 12A1

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Đỗ Hải Thu

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|----------------|--------------------|-----------------|-------|-------|-------|
| Toán - 1.Đ.Thu | Anh - 5.Thuý | Lý-CD - 3.Doanh | | | |
| Tin - 13.Vinh | TN-CD - 5. Hà | Sinh - 6.Chiêm | | | |
| Hoá - 4.Dừa | Thể dục - 12.Thanh | Văn - 2.Hiền | | | |
| TN-SHL | Lý - 3.Doanh | Anh - 5.Thuý | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-----------------|-------------------|--------------------|-------|-------|-------|
| Văn - 2.Hiền | Tin - 13.Vinh | Hóa-CD - 4.Dừa | | | |
| GDDP - 2.Phuong | Toán - 1.Đ.Thu | Thể dục - 12.Thanh | | | |
| TN-CD - 5. Hà | Toán-CD - 1.Đ.Thu | QPAN - 12. Tiến | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 12A2

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Vũ Thị Minh Ngọc

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|------------------|------------------|------------------|-------|-------|-------|
| Toán - 1. Thủy.T | Lý-CD - 3.Ngọc.L | Tin - 13.Thanh | | | |
| Tin - 13.Thanh | Lý - 3.Ngọc.L | Thể dục - 12.Đắc | | | |
| Anh - 5. Thu | QPAN - 12.Hoa | Văn - 2.Tuyết | | | |
| TN-SHL | TN-CD - 13.Thanh | Hoá - 4.Hào | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|---------------------|------------------|----------------|-------|-------|-------|
| Toán-CD - 1. Thủy.T | GDDP - 2.Đông | Hóa-CD - 4.Hào | | | |
| Thể dục - 12.Đắc | TN-CD - 13.Thanh | Sinh - 6.Huệ.S | | | |
| Toán - 1. Thủy.T | Văn - 2.Tuyết | Anh - 5. Thu | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 12A3

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Lê Xuân Thu

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|------------------|-----------------|--------------------|-------|-------|-------|
| TN-CD - 5. Hà | QPAN - 12. Tiến | GDDP - 2. Phương | | | |
| Tin - 13. Việt | Hoá - 4. Ngọc | Văn - 2. Thìn | | | |
| Toán - 1. Tùng T | Lý - 3. Toan | Sinh - 6. Quỳnh | | | |
| TN-SHL | Tin - 13. Việt | Thể dục - 12. Hiện | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|--------------------|---------------------|------------------|-------|-------|-------|
| Anh - 5. Hạnh | Anh - 5. Hạnh | Văn - 2. Thìn | | | |
| Thể dục - 12. Hiện | TN-CD - 5. Hà | Toán - 1. Tùng T | | | |
| Hóa-CD - 4. Ngọc | Toán-CD - 1. Tùng T | Lý-CD - 3. Toan | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 12A4

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Trần Văn Ngọc

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|------------------|-----------------|--------------------|-------|-------|-------|
| TN-CD - 13.Bồn | Sinh - 6.Huệ.S | Toán - 1.Ngọc.T | | | |
| Thể dục - 12.Đắc | Tin - 13.Bồn | QPAN - 12.Hoa | | | |
| Anh - 5. Hà | Toán - 1.Ngọc.T | Toán-CD - 1.Ngọc.T | | | |
| TN-SHL | Lý-CD - 3.Thùy | Thể dục - 12.Đắc | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|----------------|----------------|-----------------|-------|-------|-------|
| Lý - 3.Thùy | Anh - 5. Hà | Hoá - 4.Ngọc | | | |
| Văn - 2.Huyền | GDDP - 2.Nhiệm | Tin - 13.Bồn | | | |
| TN-CD - 13.Bồn | Văn - 2.Huyền | Hóa-CD - 4.Ngọc | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 12A5

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Triệu Thị Hảo

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|----------------|--------------------|--------------------|-------|-------|-------|
| Anh - 5. Thu | Sinh - 6. Chiêm | Thể dục - 12. Hiện | | | |
| TN-CD - 3. Ích | Thể dục - 12. Hiện | Hóa-CD - 4. Hảo | | | |
| Toán - 1. Huệ | Tin - 13. Thanh | Lý-CD - 3. Ích | | | |
| TN-SHL | QPAN - 12. Hoa | Lý - 3. Ích | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|------------------|------------------|------------------|-------|-------|-------|
| Hoá - 4. Hảo | TN-CD - 3. Ích | GDDP - 2. Đông | | | |
| Tin - 13. Thanh | Toán-CD - 1. Huệ | Anh - 5. Thu | | | |
| Văn - 2. V. Hoài | Toán - 1. Huệ | Văn - 2. V. Hoài | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 12A6

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Nguyễn Như Quỳnh

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|------------------|----------------|-------------------|-------|-------|-------|
| Toán-CD - 1.HậuT | Văn - 2.Vân | Sinh - 6.Quỳnh | | | |
| Địa - 9.Phụng | TN-CD - 3.Thùy | Toán - 1.HậuT | | | |
| Hóa-CD - 4.Nga | Lý - 3.Thùy | Toán - 1.HậuT | | | |
| TN-SHL | Địa - 9.Phụng | Thể dục - 12.Ngợi | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|----------------|-------------------|-------------------|-------|-------|-------|
| Anh - 5. Hà | Hoá - 4.Nga | Sinh-CD - 6.Quỳnh | | | |
| TN-CD - 3.Thùy | Thể dục - 12.Ngợi | GDDP - 2.Đông | | | |
| Văn - 2.Vân | Anh - 5. Hà | QPAN - 12.Hoa | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 12A7

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Đoàn Văn Doanh

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|----------------|--------------------|--------------------|-------|-------|-------|
| GDDP - 2.Nhiệm | Lý - 3.Doanh | Thể dục - 12.Thanh | | | |
| CN - 11. Ngu | Hoá - 4.Dừa | Toán - 1.Ngọc.T | | | |
| Anh - 5. Ly | Lý-CD - 3.Doanh | Văn - 2.Nhiệm | | | |
| TN-SHL | Toán-CD - 1.Ngọc.T | TN-CD - 2.Nhiệm | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-----------------|--------------------|-----------------|-------|-------|-------|
| Hóa-CD - 4.Dừa | CN - 11. Ngu | TN-CD - 2.Nhiệm | | | |
| Anh - 5. Ly | KTPL - 10.Loan | Toán - 1.Ngọc.T | | | |
| QPAN - 12. Tiến | Thể dục - 12.Thanh | Văn - 2.Nhiệm | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 12A8

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Trần Thị Thìn

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|----------------|------------------|-------------------|-------|-------|-------|
| KTPL - 10.Gắm | Hoá - 4.Nga | Văn - 2.Thìn | | | |
| Hóa-CD - 4.Nga | QPAN - 12.Hoa | Lý-CD - 3.Toan | | | |
| Anh - 5.Hạnh | CN - 11.Phương | Thể dục - 12.Thúy | | | |
| TN-SHL | Toán-CD - 1.HậuT | Toán - 1.HậuT | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-------------------|----------------|----------------|-------|-------|-------|
| GDDP - 2.Phương | TN-CD - 10.Gắm | Lý - 3.Toan | | | |
| TN-CD - 10.Gắm | Toán - 1.HậuT | Văn - 2.Thìn | | | |
| Thể dục - 12.Thúy | Anh - 5.Hạnh | CN - 11.Phương | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 12A9

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Lê Thị Ánh Tuyết

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|-----------------|------------------|--------------------|-------|-------|-------|
| Sử-CD - 8. Thảo | GDDP - 2. Đông | TN-CD - 10. Loan | | | |
| Anh - 5. Thu | Địa - 9. Phụng | Thể dục - 12. Thúy | | | |
| QPAN - 12. Tiến | Tin - 13. Việt | CN - 6. Nhân | | | |
| TN-SHL | Toán - 1. Tùng T | Văn - 2. Tuyết | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|--------------------|-------------------|-------------------|-------|-------|-------|
| Anh - 5. Thu | Văn-CD - 2. Tuyết | KTPL - 10. Loan | | | |
| Thể dục - 12. Thúy | Toán - 1. Tùng T | Địa-CD - 9. Phụng | | | |
| Văn - 2. Tuyết | CN - 6. Nhân | TN-CD - 10. Loan | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 12A10

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Vũ Thị Hoài

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|--------------|--------------------|----------------|-------|-------|-------|
| Địa - 9.Nga | Thể dục - 12.Thanh | Văn - 2.V.Hoài | | | |
| Toán - 1.Huệ | TN-CD - 13.Thanh | Lý - 3.Ích | | | |
| Tin - 13.Bồn | QPAN - 12. Tiến | Anh - 5.Thúy | | | |
| TN-SHL | Toán-CD - 1.Huệ | Địa-CD - 9.Nga | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|--------------------|----------------|-------------------|-------|-------|-------|
| Anh - 5.Thúy | GDDP - 2.Nhiệm | Văn-CD - 2.V.Hoài | | | |
| Thể dục - 12.Thanh | Tin - 13.Bồn | Văn - 2.V.Hoài | | | |
| Toán - 1.Huệ | CN - 11. Ngu | TN-CD - 13.Thanh | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Trường THPT Nam Trực
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Lớp 12A11

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 05 năm 2026)

Số 33

GVCN: Vũ Thị Hiền

Buổi sáng

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|------------------|------------------|------------------|-------|-------|-------|
| Anh - 5. Ly | TN-CD - 5. Hà | Văn - 2.Hiền | | | |
| TN-CD - 5. Hà | Địa - 9.Nga | Văn-CD - 2.Hiền | | | |
| Toán - 1. Thủy.T | Toán - 1. Thủy.T | Thể dục - 12.Đắc | | | |
| TN-SHL | Thể dục - 12.Đắc | Sử-CD - 8.Mây | | | |
| | | | | | |

Buổi chiều

| THỨ 2 | THỨ 3 | THỨ 4 | THỨ 5 | THỨ 6 | THỨ 7 |
|----------------|-----------------|-----------------|-------|-------|-------|
| KTPL - 10.Gắm | Anh - 5. Ly | Tin - 13.Vinh | | | |
| Địa-CD - 9.Nga | QPAN - 12. Tiến | GDDP - 2.Phuong | | | |
| Văn - 2.Hiền | Tin - 13.Vinh | Hoá - 4.Hào | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |